UBND PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG

Số: 12/TTr-HĐQT-GTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ về việc hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng.

Để đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty, quy định việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Mặt khác để có cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty đã dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo đúng quy định hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị các Quý Cổ đông xem xét cho ý kiến đóng góp và biểu quyết thông qua "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty" theo nội dung đính kèm.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0200149102 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG

Nguyễn Xuân Phát

UBND PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Hải Phòng, ngày .....tháng 4 năm 2018

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng

(Ban hành theo Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty; Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng do Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 06 tháng 06 năm 2017 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty với mục đích: Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty; Quy định chế độ phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc và mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về:

1 Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

5. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

6. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

7. Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này mâu thuẫn với Điều lệ của Công ty thì các quy định của Điều lệ của Công ty sẽ được áp dụng.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Công ty* là Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng.

- *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

- *Điều lệ* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- *Quy chế* là Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty .

- *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI ban hành ngày 26/11/2014.

- *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bộ nhiệm.

- *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị độc lập* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện theo Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II.
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 5, Điều 17 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.

2. Cách thức, thời hạn gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và các nội dung liên quan đến việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 của Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 6. Danh sách họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật về lưu ký chứng khoán.

2. Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 5 Quy chế này phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Nội dung thông báo phải có quy định và hướng dẫn về việc xác nhận đăng ký tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền và chỉ dẫn địa chỉ và thời gian đăng tải tài liệu họp. Vào ngày họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện đăng ký tham dự cho các cổ đông đến họp, kiểm tra tư cách cổ đông, cấp phiếu biểu quyết, phiếu bầu (nếu có) và các tài liệu phục vụ đại hội.

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty và các quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Biểu quyết và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Phiếu biểu quyết của cổ đông ghi đầy đủ họ và tên cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông/đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; nội dung biểu quyết và các ý kiến biểu quyết gồm: tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Công ty có thể làm số phiếu biểu quyết tương ứng với từng nội dung được thông qua, hoặc làm chung một tờ phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết riêng và sử dụng phần mềm công nghệ nhằm giúp cho công việc kiểm phiếu nhanh chóng, chính xác.

2. Cổ đông thực hiện việc biểu quyết thông qua những vấn đề phần nghi thức của cuộc họp bằng cách giơ tay, hoặc giơ phiếu biểu quyết chung (phiếu biểu quyết không ghi nội dung biểu quyết cụ thể cũng như các ý kiến biểu quyết); cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và đệ trình tại cuộc họp bằng cách tích vào ý kiến biểu quyết tương ứng của từng phiếu biểu quyết.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát được tiến hành theo thể lệ bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bỏ phiếu vào thùng phiếu tại đại hội.

4. Công tác kiểm phiếu sẽ do Ban kiểm phiếu gồm ba (03) người thực hiện. Thành phần Ban kiểm phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng tổ giúp việc để thực hiện việc kiểm phiếu.

5. Kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu thông báo cho các cổ đông được biết ngay tại đại hội.

Điều 9. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Các nội dung liên quan đến Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 8 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Chủ toạ đại hội sẽ triệu tập cuộc họp xem xét ý kiến phản đối với thành phần gồm có: Chủ tọa đại hội, thư ký đại hội, đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện Ban

kiểm phiếu. Chủ toạ đại hội cũng có thể triệu tập thêm một số cổ đông khác không nắm giữ chức vụ quản lý trong Công ty tham dự cuộc họp.

Biên bản họp xem xét ý kiến phản đối phải được ghi chép tóm tắt nội dung ý kiến phản đối, lý do cùng những chứng cứ chứng minh. Phần kết luận của biên bản phải nêu rõ ý kiến phản đối có hợp lý và có căn cứ hay không, đồng thời có kết luận cuối cùng về tính xác thực của các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được ghi trong biên bản họp.

Điều 12. Công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 13. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Chương III.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

2. Thực hiện chức năng quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều 29 Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực chịu trách nhiệm về lĩnh vực được phân công trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.

Điều 16. Tiêu chuẩn, tư cách, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Những vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn, tư cách thành viên, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty và quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Trình tự đề cử, ứng cử và tổ chức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều kiện để đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty. Việc tổ chức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố

và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Việc tổ chức bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định của pháp luật và thể lệ bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua, theo đó gồm những nội dung chính sau:

a) Nguyên tắc bầu dồn phiếu, bỏ phiếu vào thùng phiếu;

b) Số lượng ứng cử viên phải bằng hoặc lớn hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu.

c) Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội đồng cổ đông.

d) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

đ) Trong trường hợp không lựa chọn được đủ số thành viên Hội đồng quản trị do có nhiều ứng viên có tổng số phiếu biểu quyết đạt được bằng nhau thì ứng cử viên nào sở hữu hoặc đại diện nhiều cổ phần của Công ty hơn sẽ được lựa chọn.

e) Trường hợp số cổ phần sở hữu hoặc đại diện ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng cử viên này để lựa chọn đúng số người cần chọn còn lại.

f) Trường hợp bầu cử không đạt đủ số thành viên Hội đồng quản trị cần thiết:

- Đại hội sẽ tiếp tục bầu lại lần 2 để lựa chọn đủ số thành viên.

- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết để khuyết thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo hoặc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị còn thiếu, việc bổ nhiệm này phải được Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất thông qua.

Điều 18. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc do thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định tại khoản 7, Điều 28 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp phải được thông báo cho các cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ của Công ty.

Điều 19. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành

2. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban/bộ phận giúp việc chuyên trách thì Hội đồng quản trị sẽ phân công công việc cho các thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) đối với từng vấn đề như: lương thưởng, nhân sự, đầu tư…

Chương IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Trình tự ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 21. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật *doanh nghiệp* và Khoản 7 Điều 36 Điều lệ Công ty.

3. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

4. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 24. Thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc do Kiểm soát viên bị mất tư cách thành viên theo quy định tại khoản 1, Điều 39 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp phải được thông báo cho các cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ của Công ty.

Chương V
QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP CAO

Điều 25. Cán bộ quản lý cấp cao

Cán bộ quản lý cấp cao của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty và trình tự, thủ tục theo Quy chế này.

Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Người được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn từ bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty/ hoặc chuyên ngành khác phù hợp.

3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 02 năm.

4. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.

5. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, mẹ, cha nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

Điều 27. Thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc

Thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

Quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Tổng Giám đốc. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể lập hợp đồng lao động và Hợp đồng trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc để quy định

cụ thể.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

Người được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên về quản trị kinh doanh hoặc về các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty/ hoặc các ngành nghề khác phù hợp.

3. Có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty ít nhất 02 năm.

4. Không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Điều 29. Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc

Thủ tục bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Phó Tổng Giám đốc. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám đốc lập hợp đồng lao động và hợp đồng trách nhiệm với Phó Tổng Giám đốc để quy định cụ thể.

Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

Người được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20/11/2015.

2. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

3. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ bậc đại học trở lên.

4. Thời gian công tác thực tế về kế toán doanh nghiệp ít nhất là năm (05) năm;

5. Có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

6. Không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành ở một doanh nghiệp khác, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị cử tham gia quản lý, điều hành ở doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Điều 31. Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng

Thủ tục bổ nhiệm Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng phải nêu rõ các cơ sở xác định phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn, lợi ích và trách nhiệm của Kế toán trưởng. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho Tổng Giám đốc lập hợp đồng lao động và hợp đồng trách

nhiệm với Kế toán trưởng để quy định cụ thể.

Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Miễn nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Tổng Giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 26 Quy chế này.

c) Tổng Giám đốc có đơn xin từ chức; hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

d) Tổng Giám đốc không đủ sức khoẻ để đảm nhận chức vụ trong sáu tháng liên tục.

đ) Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

e) Tổng Giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.

f) Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị có căn cứ xác định Tổng Giám đốc không thể tiếp tục đảm nhận chức vụ.

2. Việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc phải được Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 33. Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Phó Tổng Giám đốc ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 23 Quy chế này.

b) Phó Tổng Giám đốc có đơn xin từ chức; hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc.

c) Phó Tổng Giám đốc không đủ sức khoẻ đảm nhận chức vụ trong 06 tháng liên tục.

d) Phó Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành, gây thiệt hại nghiêm trong cho Công ty.

đ) Phó Tổng Giám đốc bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.

2. Việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định về miễn nhiệm cán bộ trong Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

Điều 34. Miễn nhiệm Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a) Kế toán trưởng ở trong tình trạng không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 Quy chế này.

b) Kế toán trưởng có đơn xin từ chức; hoặc có văn bản điều động của tổ chức giới thiệu bổ nhiệm Kế toán trưởng.

c) Kế toán trưởng không đủ sức khoẻ đảm nhận chức vụ trong 06 tháng liên tục.

d) Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác điều hành, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

đ) Kế toán trưởng bị khởi tố, tạm giam, truy tố về trách nhiệm hình sự.

e) Việc miễn nhiệm Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định về miễn nhiệm cán bộ trong Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

2. Việc miễn nhiệm Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định về miễn nhiệm

cán bộ trong Quy chế quản lý cán bộ của Công ty.

Chương VI
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty và những người có liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con của Công ty hoặc công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của Nhà nước.

5. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quy định khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

7. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 37. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định.

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VII
CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 38. Cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật

1. Đánh giá hoạt động:

Hội đồng quản trị xây dựng và ban hành cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Khen thưởng, kỷ luật:

Công tác khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định về khen thưởng, kỷ luật của Công ty và các văn bản có liên quan của Nhà nước.

Chương VIII.
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Quy chế này sẽ được sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi của Điều lệ Công ty hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 40. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, trưởng các phòng, xưởng trực thuộc Công ty cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Xuân Phát